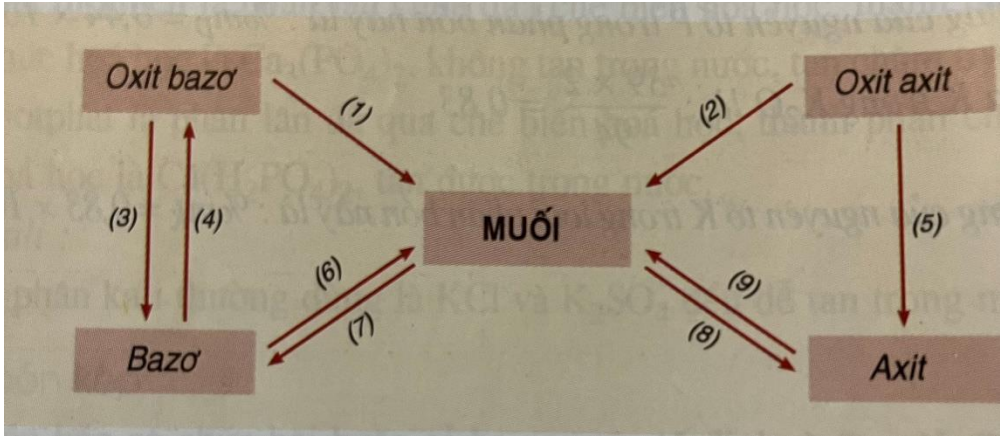
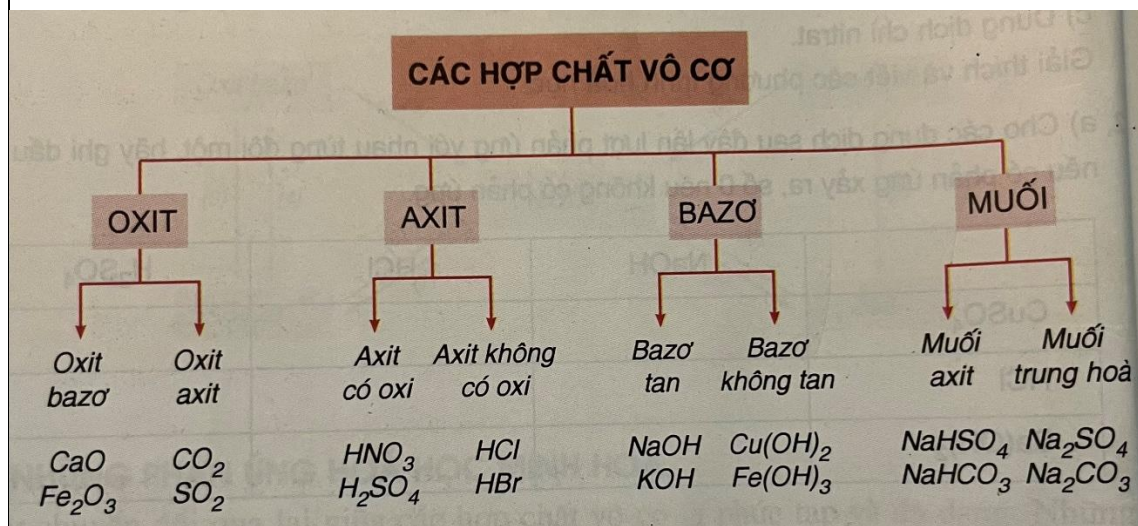


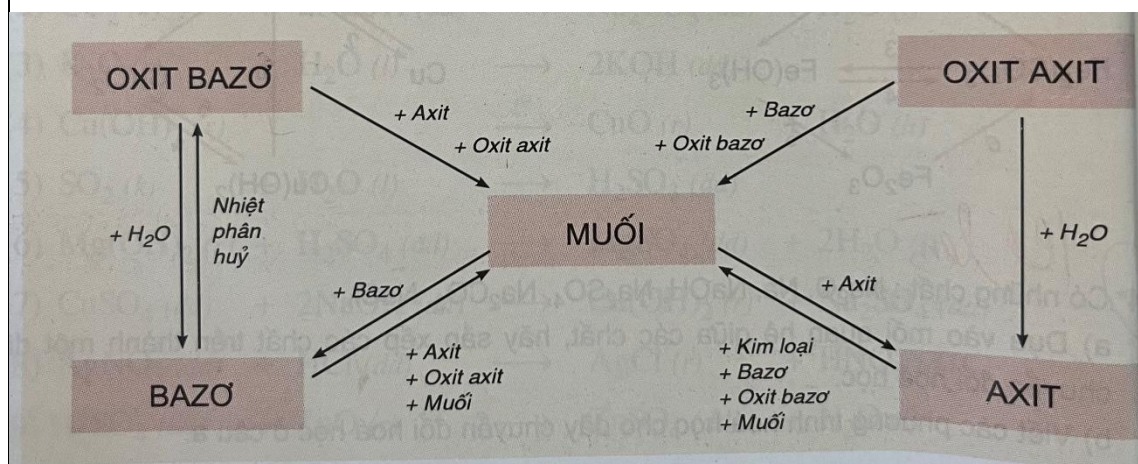
NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN HÓA HỌC 9 (Tuần 9,10 từ 01/11- 13/11)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỢP CHẤT VÔ CƠ-LUYỆN TẬP CHƯƠNG I- THỰC HÀNH: TÍNH CHẤT CỦA BASE VÀ MUỐI- KIỂM TRA GIỮA KÌ I.	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu ở phần GHI CHÚ→ I/ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC LOẠI HỢP CHẤT VÔ CƠ: A. Mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ:  B.Những phản ứng hóa học minh họa: 1/ $\text{CuO} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$ 2/ $\text{CO}_2 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ 3/ $\text{K}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O} \xrightarrow{t^0} 2\text{KOH}$ 4/ $\text{Cu(OH)}_2 \rightarrow \text{CuO} + \text{H}_2\text{O}$ 5/ $\text{SO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_3$ 6/ $\text{Mg(OH)}_2 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{MgSO}_4 + 2\text{H}_2\text{O}$ 7/ $\text{CuSO}_4 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Cu(OH)}_2\downarrow + \text{Na}_2\text{SO}_4$ 8/ $\text{AgNO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{AgCl}\downarrow + \text{HNO}_3$ 9/ $\text{H}_2\text{SO}_4 + \text{ZnO} \rightarrow \text{ZnSO}_4 + \text{H}_2\text{O}$ II/ LUYỆN TẬP CHƯƠNG 1: CÁC LOẠI HỢP CHẤT VÔ CƠ Kiến thức cần nhớ: 1/ phân loại các hợp chất vô cơ:	<u>Yêu cầu</u> II/ Xem sơ đồ phần A, ôn lại TCHH các loại HCVC và liên hệ tới các phản ứng minh họa ở phần B. -Viết được các PTHH (khác ví dụ) nhưng thuộc mỗi tính chất đã học.

Xem sơ đồ sau đây:



2/ Tính chất hóa học của các loại hợp chất vô cơ:



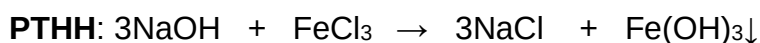
III/ THỰC HÀNH: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA BASE VÀ MUỐI.

A. Tiến hành thí nghiệm:

1/ Tính chất hóa học của base:

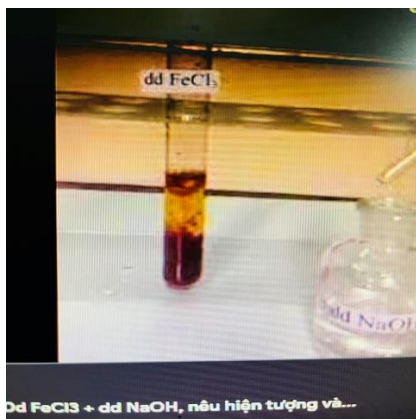
TN1: Cho dd NaOH vào ống nghiệm có chứa dd FeCl₃ → QS hiện tượng và giải thích

- HT: Tạo ra kết tủa màu nâu đỏ Fe(OH)₃



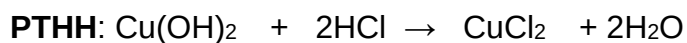
III/ Xem sơ đồ phần 1, 2...hoàn thành BT 1 ở hoạt động 2

III/ Đọc kĩ nội dung, chép hiện tượng thí nghiệm và PTHH vào tập BT, ghi nhớ màu sắc một số chất đã cho và tìm hiểu thêm trong thực tế, trên mạng internet...



TN2: Cho dd NaOH vào dd CuSO_4 để được Cu(OH)_2 , sau đó nhỏ vài giọt dd HCl vào $\rightarrow$ QS hiện tượng và giải thích

- **HT:** Kết tủa Cu(OH)_2 xanh lơ, nhỏ HCl vào $\rightarrow$ kết tủa xanh lơ tan, tạo thành dd màu xanh lam.



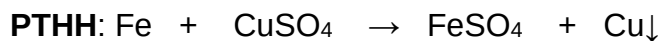
$\rightarrow$



2/ Tính chất hóa học của muối:

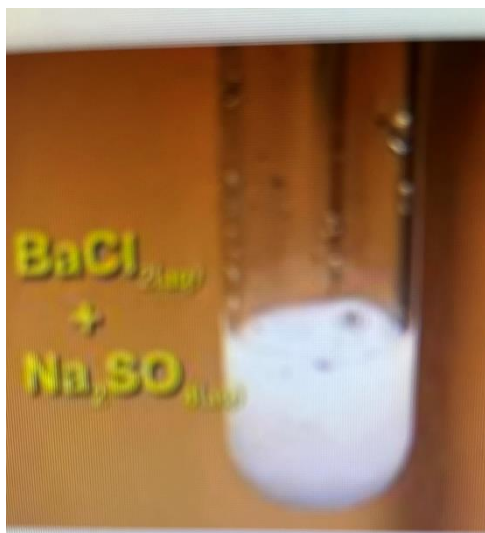
TN3: Ngâm một đinh sắt nhỏ trong ống nghiệm đựng dd $\text{CuSO}_4 \rightarrow$ QS HT và giải thích

- **HT:** Một phần đinh sắt bị hòa tan, kim loại đồng bám ngoài đinh sắt và màu xanh lam của dd ban đầu nhạt dần



TN4: Cho dd BaCl_2 vào ống nghiệm chứa dd $\text{Na}_2\text{SO}_4 \rightarrow$ QS hiện tượng và giải thích

- HT: Có kết tủa trắng xuất hiện



TN5: Nhỏ vài giọt dd BaCl_2 vào ống nghiệm chứa dd $\text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow$ QS và viết PTHH

- HT: Có kết tủa trắng xuất hiện.



B. Viết bản tường trình:

IV/ ÔN TẬP KTGK:

Theo nội dung đã cho , hình thức trắc nghiệm.

Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

BT1: Căn cứ vào sơ đồ biểu thị những tính chất hóa học của các hợp chất vô cơ, em hãy chọn những chất thích hợp để viết các PTHH cho mỗi loại hợp chất.

1/ Oxide:

a/ Basic oxide (oxit bazơ) + $\rightarrow$ Base (bazơ)

b/ Basic oxide + $\rightarrow$ muối + nước

c/ Acidic oxide(oxit axit) + $\rightarrow$ Acid

d/ Acidic oxide + $\rightarrow$ muối + nước

e/ Acidic oxide + Basic oxide $\rightarrow$

2/ Base:

a/ Base + $\rightarrow$ muối + nước

BT1: Đọc kĩ yêu cầu đề bài, chọn chất thích hợp để hoàn thành

- b/ Base + → muối + nước
- c/ Base + → muối mới + base mới
- t⁰
- d/ Base → Basic oxide + nước

3/ Acid:

- a/ Acid + → Muối + hydrogen
- b/ Acid + → Muối + nước
- c/ Acid + → Muối + nước
- d/ Acid + → Muối + acid

4/ Muối:

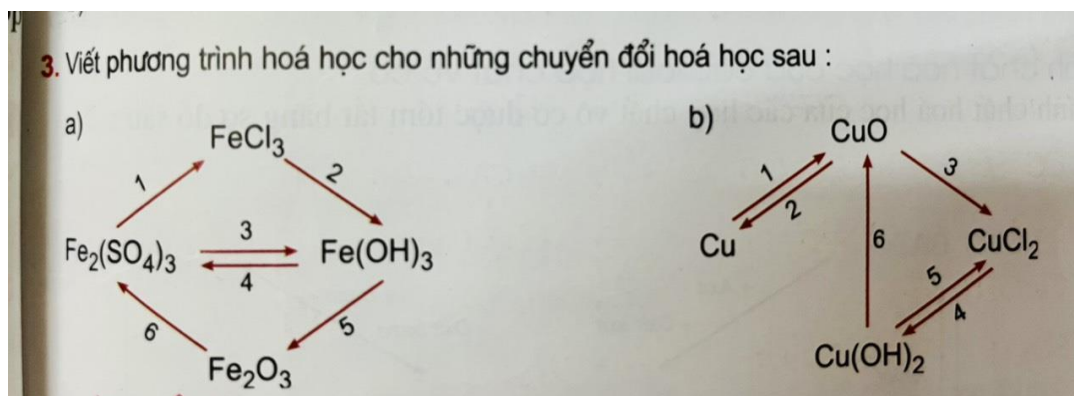
- a/ Muối + → Acid + muối
- b/ Muối + → Muối + base
- c/ Muối + → Muối + muối
- d/ Muối + → Muối + kim loại
- t⁰
- e/ Muối → +

BT2: Cho các dung dịch sau đây lần lượt phản ứng với nhau từng đôi một, hãy ghi dấu (x) nếu có phản ứng xảy ra, số 0 nếu không có phản ứng.

	NaOH	HCl	H ₂ SO ₄
CuSO ₄			
HCl			
Ba(OH) ₂			

BT2: xét các cặp chất có phản ứng hay không rồi viết PTHH

BT3: Viết PTHH cho những chuyển đổi hóa học sau



→ **BT 3:** có thể chuyển thành dạng như sau:

BT3: Chọn chất thích hợp điền vào dấu Và cân

